

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC Ở CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ TỈNH GIA LAI

ThS. HỒ XUÂN HỒNG

Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Chư Sê, Gia Lai

1. Đặt vấn đề

Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về phát triển các trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn là hết sức đúng đắn. Theo Thông tư 24/2010/TT-BGDĐT, tỉnh Gia Lai từ năm 2010 - 2011, tính đến năm học 2013 - 2014, đã có 20 trường PTDTBT ra đời, ở vùng đặc biệt khó khăn thuộc 8 huyện: Kbang, Kông Chro, Mang Yang, Krông Pa, Phú Thiện, Chư Sê, Đắc Đoa và Đức Cơ. Trong đó, có 5 trường tiểu học, 3 trường phổ thông cơ sở (gồm tiểu học và trung học cơ sở), 12 trường trung học cơ sở. Tổng số học sinh (HS) ở các trường này là 5837 em, trong đó số được xét là HS bán trú có 2931 em.

Nếu không có phương thức **bán trú** thì không thể có 2931 HS ở các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có thể đến trường và yên tâm học tập từ năm 2010 - 2011 đến nay. Nhờ được ăn no, được ở trường để tham gia vào sinh hoạt tập thể, được giúp đỡ để học tập tiến bộ hơn, nên các em đã ít bỏ học, ngày càng gắn bó với trường, quý mến thầy cô, yêu mến các bạn từ nhiều dân tộc khác nhau...

Những thành tựu bước đầu nêu trên là những kết quả rất sinh động, cụ thể, tạo thêm lòng tin của dân vào chính sách của Đảng, Nhà nước đối với đồng bào các dân tộc ở những vùng đặc biệt khó khăn. Về lâu dài, những HS bán trú, hi vọng một số có điều kiện học lên, một số không học tiếp được, dù trở lại địa phương cũng sẽ là nguồn lực rất quan trọng bổ sung cho đội ngũ cán bộ tại cơ sở đang rất thiếu và yếu.

Tuy nhiên, trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục thì các trường PTDTBT dù đã cố gắng phát triển về số lượng, những mặt **chất lượng** đang đứng trước rất nhiều bất cập. Mục tiêu giáo dục phổ thông đòi hỏi: "**Đối với giáo dục phổ thông (GDPT), tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho HS. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lí tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Hoàn thành việc xây dựng chương trình GDPT giai đoạn sau năm 2015. Bảo đảm cho HS có trình độ trung học cơ sở (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; trung học phổ thông phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Nâng**

cao chất lượng phổ cập giáo dục, thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm từ sau năm 2020. Phấn đấu đến năm 2020, có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương" [1, tr.3].

Mục tiêu trên đây là cơ sở, căn cứ để đánh giá hiện trạng và tiêu chuẩn phấn đấu nâng cao chất lượng GDPT nói chung và chất lượng giáo dục HS của các trường PTDTBT nói riêng. Nâng cao chất lượng giáo dục HS các trường PTDTBT theo mục tiêu của GDPT cũng là đòi hỏi thực hiện sự công bằng, bình đẳng trong giáo dục đối với HS các dân tộc ở những vùng đặc biệt khó khăn. Do vậy, nâng cao chất lượng giáo dục HS tại các trường PTDTBT đang là vấn đề cấp thiết hiện nay, nhằm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Những mặt bất cập về chất lượng giáo dục của các trường phổ thông dân tộc bán trú

Chất lượng giáo dục HS ở đây, căn cứ vào mục tiêu GDPT theo Nghị quyết 29-NQ/TW của Trung ương Đảng đã nêu, chất lượng giáo dục đối với HS phổ thông bao gồm bốn mặt cơ bản:

- *Phát triển trí tuệ, phát triển khả năng sáng tạo, tự học, kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tạo nhu cầu và kĩ năng học tập suốt đời;*

- *Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, tăng cường dạy ngoại ngữ, tin học, định hướng nghề nghiệp cho HS để vừa đẩy mạnh phân luồng, vừa có điều kiện học lên;*

- *Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lí tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, hình thành phẩm chất, năng lực công dân;*

- *Tăng cường giáo dục thể chất, rèn luyện sức khỏe, kĩ năng sống an toàn, lành mạnh.*

Tìm hiểu bước đầu của chúng tôi cho thấy, so với mục tiêu của GDPT đã nêu trên, các trường PTDTBT còn một số mặt hạn chế sau:

2.1. Chất lượng học tập các môn học còn nhiều yếu kém

Bước đầu khảo sát, thống kê kết quả chất lượng học tập của ba năm học, từ 2010 đến 2013 ở Trường PTDTBT trung học cơ sở Phan Đăng Lưu, xã Ayun, huyện Chư Sê (bảng 1).

Giáo viên (GV) đánh giá kết quả học tập của HS dân tộc thường ưu ái hơn. Tuy nhiên, số liệu thống kê ở bảng 1 cho chúng ta thấy suốt 03 năm học, tỉ lệ HS giỏi không có, HS khá chỉ 3,8%; HS trung bình 75,7% và HS kém chiếm tới hơn 20%.

Bảng 1: Kết quả học tập của HS

Năm học	% duy trì sĩ số	T/số HS	Học lực							
			Giỏi		Khá		TB		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2010-2011	95,6	218	0		9	4.1	173	79.4	36	16.5
2011-2012	97,5	197	0		8	4.1	144	73.1	45	22.8
2012-2013	96,5	194	0		6	3.1	144	74.2	44	22.7
Tổng cộng 3 năm học		609	0		23	3.8	461	75.7	125	20.5

(Ghi chú: T: Tổng; HS: Học sinh; SL: Số lượng; TB: Trung bình)

2.2. Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, tăng cường dạy ngoại ngữ, tin học, định hướng nghề nghiệp cho HS để vừa đẩy mạnh phân luồng, vừa có điều kiện học lên là yêu cầu còn khá khó khăn với những trường PTDTBT

Tuy nhiên, nền giáo dục nước ta đang đổi mới theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, tạo ra bình đẳng cơ hội cho mọi HS có thể vươn lên, các trường PTDTBT không thể bỏ lỡ cơ hội này. Đối với người quản lý đây vừa là thách thức to lớn vừa là cơ hội quý giá để HS các dân tộc vùng khó khăn có thể vươn lên thực hiện quyền bình đẳng về giáo dục. Đây là một yêu cầu về chất lượng giáo dục mà các trường PTDTBT phải phấn đấu mạnh mẽ trong thời gian tới.

2.3. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, hình thành phẩm chất, năng lực công dân cần được tổ chức giáo dục, hình thành hơn nữa ở HS trường PTDTBT

Kết quả khảo sát chất lượng mặt hạnh kiểm qua ba năm học, từ 2010 đến 2013 ở Trường PTDTBT trung học cơ sở Phan Đăng Lưu, xã Ayun, huyện Chư Sê (bảng 2).

Bảng 2: Chất lượng mặt giáo dục đạo đức

Năm học	% duy trì sĩ số	T/số HS	Hạnh kiểm					
			Tốt		Khá		TB	
			SL	%	SL	%	SL	%
2010-2011	95,6	218	134	61.5	80	36.7	4	1.8
2011-2012	97,5	197	124	62.9	72	36.5	1	0.5
2012-2013	96,5	194	80	41.2	91	46.9	23	11.9
Tổng cộng 3 năm học		609	338	55.5	243	39.9	28	4.6

(Ghi chú: T: Tổng; HS: Học sinh; SL: Số lượng; TB: Trung bình)

Theo số liệu thống kê ở bảng trên, duy trì sĩ số HS bình quân đạt 96,5%, chứng tỏ HS vượt khó, chăm đến trường, không bỏ học. Đó là một kết quả hết sức quan trọng. Về hạnh kiểm, có 55,5% HS đạt loại tốt, 39,9% HS loại khá, chỉ có 4,6 % hạnh kiểm trung bình. Như vậy, nhìn chung các em rất ngoan. Nhưng căn cứ theo mục tiêu GDPT thì các em chỉ hiện lành, ngoan

ngoan, đạt hạnh kiểm tốt trong trường là chưa đủ. HS cần được giáo dục bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tiếp thu các giá trị phổ quát của nhân loại để có những phẩm chất và năng lực công dân để thực hiện quyền và trách nhiệm xã hội, hội nhập với thế giới; có lí tưởng học tập vươn lên thay đổi số phận của bản thân và dân tộc mình... Đó là những nội dung giáo dục rất cơ bản cần được tổ chức giáo dục, hình thành ở HS trường PTDTBT trong giai đoạn tới.

2.4. Chất lượng giáo dục thể chất, rèn luyện sức khỏe, kĩ năng sống an toàn, lành mạnh

Để thực hiện yêu cầu này của mục tiêu GDPT đối với trường PTDTBT có những thuận lợi nhất định. Đó là HS có thời gian học tập, ăn ở, sinh hoạt tập thể tại trường suốt tuần, thường chiều thứ bảy các em mới về nhà. Thời gian để tổ chức giáo dục lối sống, rèn luyện thể chất, tập luyện những kĩ năng sống an toàn, lành mạnh, phòng chống những tai nạn... có nhiều thuận lợi. Tuy nhiên, hiện nay chưa có điều kiện thực hiện, nên chất lượng so với mục tiêu GDPT, đang còn nhiều hạn chế.

3. Nguyên nhân ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục học sinh các trường phổ thông dân tộc bán trú ở tỉnh Gia Lai

Để tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục HS bán trú, chúng tôi tiến hành bước đầu khảo sát ý kiến của 9 cán bộ quản lí, 86 GV và 100 HS ở 3 trường bán trú. Kết quả thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3: Nguyên nhân ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục HS bán trú

Các nguyên nhân	Số lượng (195)	Tỉ lệ %
1. Do động cơ học tập chưa rõ, chưa cao	150	76.9
2. HS chưa nhận thức rõ về mục tiêu GDPT để phấn đấu	145	74.4
3. Do HS đi học chưa chuyên cần	79	40.5
4. Do gia đình, cộng đồng chưa quan tâm đến việc học của con em	162	83.1
5. Do chưa có nhiều hoạt động để phát huy hết tiềm năng của HS	99	50.8
6. Do phương pháp dạy học chưa phù hợp, thiết thực	120	61.5
7. Do năng lực của GV còn hạn chế	100	51.3
8. Do thiếu GV để tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện	125	64.1
9. Do thiếu các điều kiện cơ sở vật chất cho các hoạt động giáo dục	146	74.9
10. Chưa phát huy được sự tham gia của các lực lượng giáo dục trong, ngoài nhà trường	134	68.7
11. Do thiếu kĩ năng tổ chức hoạt động học của HS	99	50.8

12. Do chất lượng HS đầu vào (lớp 6) thấp	167	85.6
13. Do cán bộ quản lí chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lí trường bán trú	89	45.6
14. Do GV chưa được tập huấn về dạy học cho đối tượng HS dân tộc	92	47.2
15. Do nhận thức của cán bộ quản lí chưa thật rõ về mục tiêu GDPT đối với HS bán trú	125	64.1

(Ghi chú: HS: Học sinh; GDPT: Giáo dục phổ thông; GV: Giáo viên)

Kết quả bảng 3 cho chúng ta thấy có rất nhiều nguyên nhân ảnh hưởng tới chất lượng hai mặt giáo dục đã phân tích. Có 03 nguyên nhân được đánh giá ảnh hưởng dưới 50%, 03 nguyên nhân trên 50%, 04 nguyên nhân trên 60%, 03 nguyên nhân trên 70% và 02 nguyên nhân trên 80%. Như vậy, mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân được khảo sát đều tác động mạnh đến hiện trạng chất lượng giáo dục của trường PTDTBT. Điều đó cho chúng ta thấy để nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường PTDTBT phải là một hệ thống nhiều giải pháp. Trong đó, gốc của mọi vấn đề là đối mới quản lí trong các trường PTDTBT.

Nghị quyết 29-NQ/TW đã xác định: "*Quản lí giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp*" [1, tr.1].

Quản lí trường PTDTBT là vấn đề mới và đầy khó khăn, vì ngoài những công việc của một trường phổ thông bình thường, còn phải lo việc ăn, ở, vệ sinh, an toàn, các sinh hoạt tập thể trong trường, xử lí các mối quan hệ giữa GV - HS; HS - HS giữa các dân tộc; mối quan hệ giữa nhà trường với cha mẹ HS có con bán trú... Đồng thời, nhà trường cần tranh thủ nhiều mối quan hệ để tạo điều kiện về cơ sở vật chất, kĩ thuật, tài chính phục vụ cho đời sống HS bán trú. Quản lí tất cả những vấn đề phức tạp đó cũng chỉ nhằm duy trì số lượng và nâng cao chất lượng giáo dục cho HS. Vì vậy, tăng cường quản lí chất lượng giáo dục HS tại các trường PTDTBT đang là vấn đề cấp thiết hiện nay, nhằm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã đề ra.

4. Kết luận và khuyến nghị

Từ năm 2010 - 2011 đến nay, nhờ chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, hàng loạt trường PTDTBT ở những vùng đặc biệt khó khăn đã ra đời. Hàng ngàn HS lẻ ra phải bỏ học đã được đến trường. Đó là thành tựu lớn về phát triển số lượng, nhưng chất lượng giáo dục còn rất hạn chế. Cần phải có hàng loạt biện pháp, nhất là về quản lí để nâng cao chất lượng HS các trường PTDTBT theo mục tiêu GDPT đã nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày

4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đó là đòi hỏi cấp bách từ thực tiễn giáo dục của tỉnh Gia Lai nói riêng và của GDPT miền núi nói chung.

Trên cơ sở quán triệt mục tiêu GDPT vận dụng vào trường PTDTBT và bước đầu tìm hiểu thực tế chất lượng giáo dục ở một số trường PTDTBT tỉnh Gia Lai, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị sau đây:

- Đối với cán bộ quản lí các trường PTDTBT cần được bồi dưỡng quán triệt nhận thức về mục tiêu GDPT theo NQ 29-NQ/TW để vận dụng vào quản lí chất lượng giáo dục toàn diện cho HS trường PTDTBT; đồng thời cần được bồi dưỡng về nội dung, phương pháp quản lí các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của trường PTDTBT;

- Đối với GV trường PTDTBT cần được quán triệt mục tiêu GDPT để vận dụng vào các hoạt động giảng dạy và giáo dục HS; cần được tập huấn về các quan điểm, các phương pháp dạy - học, giáo dục mới nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, phẩm chất và năng lực HS, nhất là năng lực thực hành, sáng tạo, vận dụng tri thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn đời sống. Cần tăng cường các trang thiết bị dạy học các môn: GV Tin học, Ngoại ngữ, Thể dục, Mĩ thuật... mới có thể nâng cao chất lượng GDPT toàn diện;

- Đối với HS cần được giáo dục mục đích, động cơ học tập trở thành người có những phẩm chất và năng lực như mục tiêu GDPT đã nêu; HS không chỉ phấn đấu có điểm tốt mà phải có chí hướng học tập, rèn luyện thành người công dân hiểu rõ quyền và trách nhiệm xã hội; có năng lực lập thân, lập nghiệp, thay đổi số phận và hội nhập quốc tế... Đây là thách thức lớn đòi hỏi HS dân tộc phải vượt qua để có cơ hội phát triển bình đẳng cho bản thân và cho dân tộc mình...;

- Cần trang bị cơ sở vật chất, kĩ thuật cho nhà trường để GV và HS có điều kiện thực hiện các hoạt động giáo dục toàn diện. Các hoạt động văn hóa, thể thao, xây dựng nếp sống văn minh, rèn luyện kĩ năng sống... tất cả đều đòi hỏi có cơ sở vật chất kĩ thuật tương ứng;

- Các cấp quản lí cần thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định trong các văn bản đã ban hành và bổ sung những chính sách mới theo tinh thần "Giáo dục là quốc sách hàng đầu", đặc biệt đối với các trường PTDTBT. Thiếu điều kiện về các chính sách đặc biệt với các cán bộ, GV, HS thì các trường PTDTBT không thể nâng cao chất lượng giáo dục theo mục tiêu GDPT mà Nghị quyết 29-NQ/TW đã xác định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học*, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú*, ban hành kèm theo Thông tư 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02/8/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai (2013), *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú*, Thống kê số liệu học sinh phổ thông dân tộc bán trú năm học 2013 - 2014.

4. Trường Phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Phan Đăng Lưu, Chư Sê, *Báo cáo tổng kết học năm học: 2010 - 2011; 2011 - 2012; 2012 - 2013*.

SUMMARY

Improving the quality of education to students at the boarding high school is an urgent problem, with the aim to carry out the Resolution No. 29 of 8th Central Conference about the radical and fundamental renewal in education and training. From 2010 - 2011 to now, thanks to the right policies and guideline of our Party and State, boarding schools in the special difficulties areas were built. It is great achievement in the development of quantity, but the education's quality is still limited. There should be a series of measures, especially in management in order to enhance quality of students at boarding high schools.

GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGOÀI CÔNG LẬP... (Tiếp theo trang 37)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng kết 20 năm phát triển hệ thống giáo dục đại học ngoài công lập (Bộ GD & ĐT).

2. Theo báo cáo tổng hợp của Hiệp hội các trường đại học NCL năm 2013.

3. Quy chế tạm thời trường ĐH dân lập ban hành kèm theo Quyết định số 196/QĐ-TCCB ngày 21/1/1994 và Quy chế tạm thời trường đại học bán công ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-TCCB ngày 31/1/1994.

4. Quyết định 240/QĐ-TTg ngày 24/5/1993 ban hành Quy chế đại học tư thục; Quyết định 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đại học dân lập; Nghị quyết 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính Phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao; Nghị quyết 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020; Nghị định 75/2005/NĐ-CP ngày 2/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 75/2006/NĐ-CP; Quyết định 61/2009/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục; Quyết định 14/2005/QĐ-TTg ngày 17/1/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục; Quyết định 63/2011/QĐ-TTg ngày 10/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 61/2009/QĐ-TTg; Quyết định 122/2006/QĐ-TTg ngày 29/5/2006 chuyển toàn bộ 19 trường ĐH dân lập sang loại hình ĐH tư thục; Thông tư 20/2010/TT-BGDĐT ngày 16/7/2010 quy định nội dung, trình tự, thủ tục chuyển đổi trường ĐH dân lập sang loại hình ĐH tư thục.

5. Các văn bản trong lĩnh vực giáo dục đại học, các văn bản hướng dẫn luật, các điều lệ của nhà trường; các văn bản trong lĩnh vực tuyển sinh, các quy

chế đào tạo, kiểm định chất lượng giáo dục... Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 về điều kiện thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động đào tạo, đình chỉ hoạt động đào tạo, sát nhập, chia, tách, giải thể trường đại học, học viện; Quyết định 37/2013/QĐ-TTg ngày 26/6/2013 về Quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020...

6. Năm 2012, lần đầu tiên tư duy về nền giáo dục mở, với sự tham gia của các cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận được thể hiện trong văn bản pháp luật của nhà nước (Luật Giáo dục đại học).

7. Ban hành kèm theo Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ, sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 63/2022/QĐ-TTg ngày 10/11/2011.

8. Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ.

9. Quyết định 122/2006/QĐ-TTg ngày 29/5/2006 chuyển toàn bộ 19 trường ĐH dân lập sang loại hình ĐH tư thục.

10. Nghị quyết 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao.

11. Nghị quyết số 29-NQ/TW Khóa XI; Luật Giáo dục đại học; Nghị Quyết 50/2010/QH12 của Quốc hội.

SUMMARY

Affirming non-public higher education system has contributed to expanding opportunities to access this level education for learners and made contribution to high quality manpower training for the branches, locals, serviced the goals of social- economic development of country, the author presents the current status of the higher education outside the public development in our country with the achievements and limitations. From this research, the paper puts forward some Provinces' Committees under the central government and the non-public universities/colleges.